TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 486/2023/QĐST-HNGĐ	*Ba Đình, ngày 8 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào các Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Điều 37, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: xxx/20xx/TLST-VHNGĐ ngày xx tháng xx năm 20xx về yêu cầu "Công nhận thuận tình ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:

- Anh **NQB**, sinh năm 19xx; Căn cước công dân số: 00107504xxxx cấp ngày xx/xx/20xx tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; ĐKHKTT: xx, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- Chị **NTTG**, sinh năm 19xx; Chứng minh nhân dân số: 00118200xxxx cấp ngày xx/xx/20xx tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư; ĐKHKTT: xx, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày xx tháng xx năm 20xx tại Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội của người yêu cầu là tự nguyện.

[2] Quan hệ hôn nhân của anh NQB và chị NTTG là hợp pháp, có Giấy chứng nhận kết hôn số xx, quyển số xx ngày xx tháng xx năm 20xx tại Ủy ban nhân dân xxx, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

[3] Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Anh NQB và chị NTTG thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu NLC, sinh ngày xx/xx/20xx và cháu NHL, sinh ngày xx/xx/20xx. Nay ly hôn, vợ chồng thỏa thuận giao cháu HL cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; cháu LC đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị G.

Chị NTTG có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, về nhà ở chung, về công nợ chung: Hai bên xác nhận không có tài sản chung, không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. **Về lệ phí**: Anh NQB tự nguyện chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí sơ thẩm được trừ vào khoản tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008xxx ngày xx tháng xx năm 20xx của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Chi cục THA dân sự quận Ba Đình;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình.

Vũ Thị Nguyệt